TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 1004/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 30/8/2017
V/v: *"Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Kim

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Hồ Thị Xuân Lan

2/ Ông Trần Tuấn Việt

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 tham gia phiên toà: Bà Phan Tuyết Trinh - Kiểm sát viên.

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Diệu Trinh- Thư ký Toà án nhân dân Quận 8 Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 30 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân Quận 8, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1273/2016/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2016, về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2017/QĐXXST-DS ngày 19/7/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 55/2017/QĐST-HNGĐ ngày 09/8/2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Bé B, sinh năm:1980 *(vắng mặt)*

Trú tại: 3225P Đường A, Phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Ông Phạm Văn Q, sinh năm: 1970 *(vắng mặt)*

Trú tại: 3225P Đường A, Phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: 2426/1 C, Phường S, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn bà Lê Thị Bé B trình bày:

Bà và ông Phạm Văn Q chung sống và kết hôn từ năm 1998 có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 83, quyển số I/98 ngày 06/7/1998, đăng ký tại Ủy ban nhân dân Phường S, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình chung sống lúc đầu có hạnh phúc nhưng về sau phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu từ việc ông Q không chăm lo cuộc sống gia đình, lại hay đánh

đập bà, vợ chồng thường xuyên cãi vả, cuộc sống lúc nào căng thẳng, không có hạnh phúc nên cả hai đã sống ly thân. Do không còn tình cảm nên bà yêu cầu ly hôn với ông Q.

Về con chung: Có hai con chung tên Phạm Gia N, sinh ngày 09/7/1999 và Phạm Gia H, sinh ngày 19/4/2002.

Bà Bé B yêu cầu được nuôi bé Phạm Gia H, sinh ngày 19/4/2002. Không yêu cầu ông Q cấp dưỡng. Đối với bé Phạm Gia N đã sắp đủ 18 tuổi, hiện đang sống với cha, nên bà Bé B đồng ý tiếp tục cho ông Q trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

*Bị đơn: Ông Phạm Văn Q không đến Tòa án, không có bản tự khai, không tiến hành hòa giải được.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 bà Phan Tuyết Trinh phát biểu ý kiến như sau:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên bị đơn không chấp hành quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung, bà Lê Thị Bé B có yêu cầu ly hôn với ông Phạm Văn Q, về con chung yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Phạm Gia H, sinh ngày 19/4/2002, không yêu cầu ông Q cấp dưỡng. Đối với trẻ Phạm Gia N, sinh ngày 09/7/1999, đến tại thời điểm này đã đủ 18 tuổi nên không xem xét về người trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung, bà Bé B xác định giữa bà và ông Q không có. Xét yêu cầu của bà Bé B, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận vì mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng ông Q vẫn không đến Tòa. Điều đó chứng tỏ ông Q không còn quan tâm đến tình cảm vợ chồng, không còn tha thiết đoàn tụ gia đình. Xét thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn của bà Lê Thị Bé B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Hội đồng xét xử nhận định :

1. Về tố tụng:

Bà Lê Thị Bé B có đơn yêu cầu ly hôn với ông Phạm Văn Q. Bà Bé B với ông Q chung sống và có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp. Do bị đơn ông

Q hiện có hộ khẩu tại 3225P Đường A, Phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh và đang tạm trú tại 2426/1 C, Phường S, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 28, Điều 36, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ngày 24/7/2017, bà Bé B có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt do bà bận công việc, không thể tham gia phiên tòa. Đối với ông Q, tại biên bản xác minh thể hiện ông Q có hộ khẩu tại 3225P Đường A, Phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh và đang tạm trú tại 2426/1 C, Phường S, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Tòa án tống đạt cả nơi có đăng ký hộ khẩu và nơi tạm trú nhưng ông Q vẫn không đến Tòa. Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2017/QĐXXST-DS ngày 19/7/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 55/2017/QĐST-HNGĐ ngày 09/8/2017 nhưng tại phiên Tòa ông Q vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Bé B theo yêu cầu của bà và xét xử vắng mặt ông Q không có lý do.

2. *Về nội dung*:

- Về quan hệ vợ chồng:

Bà Lê Thị Bé B và ông Phạm Văn Q sống chung và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 83, quyển số I/98 ngày 06/7/1998, đăng ký tại Ủy ban nhân dân Phường S, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo bà Lê Thị Bé B, cuộc sống giữa vợ chồng không có hạnh phúc. Nguyên nhân là do ông Q không quan tâm gia đình, ông Q còn hay đánh đập, có hành vi bạo lực gia đình nên vợ chồng đã sống ly thân. Đến nay bà cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn.

Về phía ông Q, mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tại cả hai nơi cư trú của ông Q, Tòa án triệu tập nhiều lần để giải quyết nhưng ông Q vẫn vắng mặt không có lý do. Điều đó cho thấy ông Q không còn tình cảm và không mong muốn đoàn tụ để được hàn gắn, xây dựng hạnh phúc gia đình. Xét thấy, mâu thuẫn giữa các bên đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Bé B.

- Về con chung:

Bà Lê Thị Bé B trình bày có hai con chung tên Phạm Gia N, sinh ngày 09/7/1999 và Phạm Gia H, sinh ngày 19/4/2002. Bé Phạm Gia N đến nay đã đủ 18 tuổi nên không xem xét người trực tiếp nuôi dưỡng. Đối với bé Phạm Gia H hiện đang sống với mẹ và bà Bé B cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con, nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung trẻ Phạm Gia H cho bà Lê Thị Bé B trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho ông Q đến khi nào bà Bé B có yêu cầu.

Ông Q có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của trẻ theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức được quy định tại Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung:

Bà Bé B xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí:

Căn cứ Pháp lệnh về lệ phí, án phí Tòa án có hiệu lực ngày 01/7/2009 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, bà Bé B phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 36, Điều 39, Điều 227, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

- Căn cứ Pháp lệnh về lệ phí, án phí Tòa án có hiệu lực ngày 01/7/2009;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Lê Thị Bé B.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Bé B và ông Phạm Văn Q ly hôn với nhau.

- Về con chung: Có 02 (hai) con chung tên Phạm Gia N, sinh ngày 09/7/1999 (đã đủ 18 tuổi) và Phạm Gia H, sinh ngày 19/4/2002. Giao bé Phạm Gia H, sinh ngày 19/4/2002 cho bà Lê Thị Bé B trực tiếp nuôi dưỡng.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho ông Q đến khi bà Bé B có yêu cầu.

Ông Q có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của trẻ theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức được quy định tại Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Bé B khai không có.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: là 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng, bà Lê Thị Bé B phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số 0009457 ngày 06/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Bé B đã nộp đủ án phí.

3. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết hợp lệ.

(Ngay sau khi bản án này có hiệu lực pháp luật thì Giấy chứng nhận kết hôn số 83 ngày 06/7/1998, quyển số I/98 đăng ký tại Ủy ban nhân dân Phường S, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị)

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.8;
- Chi cục THADS Q.8;
- UBND Phường 6, Quận 8, Tp Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Kim

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
-TAND TP.HCM,
-VKSND TP.HCM.
-VKSND Q.8
-CC.THA Q.8
-Các đương sự
-Lưu VP-HS

Phạm Thị Kim